TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11-7-2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Xuyên

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Đỗ Trọng Tú- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà***: bà Nguyễn Thị Thu Hà -Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê -tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/5/2018 về việc: Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị C - sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Hà Mạnh T - sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu 9, thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang đang cai nghiện tại cơ sở điều trị nghiện ma túy, tỉnh Phú Thọ(xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai tại tòa, nguyên đơn chị Phan Thị C trình bày: chị và anh Hà Mạnh T kết hôn ngày 06/9/2008, tự nguyện có đăng ký tại UBND xã

Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên- Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với bố mẹ đẻ anh T tại thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ, vợ chồng cùng đi làm lao động tự do. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không chịu lao động nghiện ma túy, chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng anh T không thay đổi. Tháng 12/2010 vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Về phía bị đơn anh Hà Mạnh T trình bày: Anh xác nhận lời trình bày của chị C là đúng về thời gian vợ chồng kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn chị C xin ly hôn anh nhất trí.

-Về con chung: Hai bên trình bày vợ chồng có 01 con chung Hà Quang M- sinh ngày 07/6/2008, hiện nay đang ở với mẹ đẻ anh T. Ly hôn hai bên thống nhất để chị C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T không phải cấp dưỡng, vì chị C không yêu cầu.

-Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 55; Điều 58; Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị C và anh Hà Mạnh T.

- Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau: Chị Phan Thị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Quang M - sinh ngày 07/6/2008, anh T không phải cấp dưỡng, vì chị C không yêu cầu.

Về án phí: Chị Phan Thị C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị C và anh Hà Mạnh T kết hôn đảm bảo các quy đinh về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình, đó là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 12/2010 đến nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm gì đến nhau, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cũng không có hạnh phúc, nên cả hai đề xin được ly hôn là phù hợp với thực tế tình cảm vợ chồng và phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[2]. Về con chung: Vợ chồng chị C, anh T có 01 con chung Hà Quang M- sinh ngày 07/6/2008, hiện nay đang ở với mẹ đẻ anh T. Ly hôn hai bên thỏa thuận chị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh T không phải cấp dưỡng, vì chị C không yêu cầu. Xét việc hai bên thỏa thuận trên là tự nguyện đúng pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung, cần chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí:Chị Phan Thị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị C và anh Hà Mạnh T.

2. Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung như sau: Chị Phan Thị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Quang M - sinh ngày 07/6/2008. Anh Hà Mạnh T không phải cấp dưỡng, vì chị C không yêu

cầu. Chị C cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Phan Thị C phải chịu 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền ngày 17/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị C có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được nhận hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện,tỉnh;
- Các đương sự
- UBND xã Quảng Thành
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Dân